

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  
**ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG**

**PHAN THỊ THU HÀ**

**KIỂM SOÁT RỦI RO TÍN DỤNG TRONG  
CHO VAY DOANH NGHIỆP TẠI CHI NHÁNH  
NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN  
NÔNG THÔN TỈNH ĐẮK LẮK**

**Chuyên ngành: Tài chính – Ngân hàng**

**Mã số: 60.34.02.01**

**TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ**  
**QUẢN TRỊ KINH DOANH**

**Đà Nẵng - Năm 2015**

**Công trình được hoàn thành tại**  
**ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG**

**Người hướng dẫn khoa học: TS. HỒ HỮU TIẾN**

Phản biện 1: PGS.TS Hoàng Tùng

Phản biện 2: PGS.TS Phan Thị Bích Nguyệt

Luận văn đã được bảo vệ trước Hội đồng chấm Luận văn tốt nghiệp thạc sĩ Quản trị kinh doanh họp tại Đại Học Đà Nẵng vào ngày 13 tháng 9 năm 2015

Có thể tìm hiểu luận văn tại:

- Trung tâm Thông tin Học liệu - Đại Học Đà Nẵng
- Thư viện Trường Đại học kinh tế - Đại học Đà Nẵng

## MỞ ĐẦU

### 1. Tính cấp thiết của đề tài

Rủi ro tín dụng luôn tồn tại và song hành trong hoạt động tín dụng và không thể loại bỏ hoàn toàn đặc biệt đối với cho vay đối tượng khách hàng doanh nghiệp, do đó công tác quản trị rủi ro tín dụng là rất quan trọng là thước đo chất lượng tín dụng trong việc cấp tín dụng.

Trong những năm qua, Agribank Đắk Lắk đã thực hiện tương đối tốt công tác kiểm soát rủi ro tín dụng nói chung và kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp nói riêng đã đạt kết quả nhất định, hoạt động cho vay doanh nghiệp phát triển và mở rộng đáng kể, kiểm soát được chất lượng tín dụng... Tuy nhiên, chi nhánh vẫn gặp không ít những tồn tại trong công tác kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp.

Nhằm góp phần hoàn thiện công tác quản trị rủi ro tín dụng trong hoạt động cho vay tại Agribank Đắk Lắk học viên chọn đề tài: ***“Kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp tại Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát triển Nông thôn Tỉnh Đắk Lắk”*** làm luận văn tốt nghiệp của mình.

### 2. Mục tiêu nghiên cứu

- Hệ thống hóa lý luận cơ bản về kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp của ngân hàng thương mại.

- Phân tích đánh giá thực trạng kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp tại Agribank Đắk Lắk thời gian qua.

- Đề xuất giải pháp nhằm hoàn thiện kiểm soát rủi ro trong cho vay doanh nghiệp tại Agribank Đắk Lắk.

### **\* Câu hỏi nghiên cứu**

- Nội dung kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay DN của ngân hàng thương mại bao gồm những vấn đề gì?

- Thực trạng kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp tại Agribank Đắk Lắk như thế nào?

- Agribank Đắk Lắk cần thực thi những biện pháp gì để hoàn thiện công tác kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp?

### **3. Đối tượng, phạm vi nghiên cứu**

- Đối tượng nghiên cứu:

Đối tượng nghiên cứu của đề tài là lý luận và thực tiễn về kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp tại Agribank Đắk Lắk

- Phạm vi nghiên cứu:

+ Về nội dung của đề tài: Kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp tại Agribank Đắk Lắk.

Luận văn nghiên cứu một trong bốn nội dung của quản trị rủi ro tín dụng là kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay DN, từ đó phân tích thực trạng công tác kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay DN tại Agribank Đắk Lắk, và đưa ra những giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay DN tại chi nhánh.

+ Về không gian: Tại Agribank Đắk Lắk

+ Thời gian: giai đoạn 2012-2014

### **4. Phương pháp nghiên cứu**

Từ nền tảng cơ sở lý luận và thực tiễn về hoạt động kiểm soát rủi ro trong cho vay doanh nghiệp, luận văn sẽ sử dụng các phương pháp lịch sử, tổng hợp, thống kê mô tả, quy nạp, diễn dịch, phân tích so sánh, đối chiếu kết hợp giữa lý luận và thực tiễn kinh doanh của ngân hàng nhằm phục vụ cho nghiên cứu đề tài để đưa ra nhận xét, đánh giá các vấn đề liên quan đến nội dung của luận văn.

Thu thập các dữ liệu thứ cấp tài liệu nội bộ, báo cáo tổng kết công tác tín dụng của các NHTM, cơ quan liên quan, các tạp chí, kết luận của các hội thảo chuyên đề, các trang thông tin điện tử ...

Trên cơ sở các dữ liệu thu thập được, xử lý và phân tích dữ liệu, tìm ra những nguyên nhân, các nhân tố ảnh hưởng, kết luận và đề ra giải pháp.

#### **\* Ý nghĩa lý luận về thực tiễn**

- Hệ thống hóa những vấn đề cơ bản về kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay DN của ngân hàng thương mại.

- Đánh giá thực trạng công tác kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay DN tại Agribank Đắk Lắk.

- Đề xuất giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay DN tại Agribank Đắk Lắk góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động tín dụng tại chi nhánh.

### **5. Bố cục của luận văn**

Ngoài phần mở đầu và kết luận, luận văn bao gồm 3 chương như sau:

Chương 1: Cơ sở lý luận về kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp của ngân hàng thương mại.

Chương 2: Thực trạng kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp tại Agribank Đắk Lắk.

Chương 3: Giải pháp hoàn thiện kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp tại Agribank Đắk Lắk.

### **6. Tổng quan tài liệu nghiên cứu**

**CHƯƠNG 1**  
**CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ KIỂM SOÁT RỦI RO TÍN DỤNG**  
**TRONG CHO VAY DOANH NGHIỆP CỦA**  
**NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI**

**1.1. KHÁI QUÁT CHO VAY DOANH NGHIỆP CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI**

**1.1.1. Khái niệm cho vay của ngân hàng thương mại**

Cho vay là hình thức cấp tín dụng, theo đó NHTM giao cho khách hàng một khoản tiền để sử dụng vào mục đích và thời gian nhất định theo thỏa thuận với nguyên tắc có hoàn trả cả gốc và lãi.

**1.1.2. Phân loại cho vay của ngân hàng thương mại**

*a. Căn cứ vào mục đích cho vay:* cho vay sản xuất kinh doanh và cho vay tiêu dùng cá nhân.

*b. Căn cứ vào thời hạn cho vay:* cho vay ngắn hạn, cho vay trung hạn, cho vay dài hạn

*c. Căn cứ vào hình thức bảo đảm tiền vay:* cho vay có tài sản bảo đảm và cho vay không có tài sản bảo đảm.

*d. Căn cứ vào phương thức cho vay:* cho vay từng lần; cho vay theo hạn mức tín dụng; cho vay theo hạn mức thấu chi; cho vay theo dự án đầu tư, cho vay đồng tài trợ, cho vay trả góp, cho vay theo hạn mức tín dụng dự phòng, cho vay qua nghiệp vụ phát hành và sử dụng thẻ tín dụng...

*e. Căn cứ vào xuất xứ tín dụng:* cho vay gồm cho vay trực tiếp và cho vay gián tiếp

**1.1.3. Cho vay doanh nghiệp của ngân hàng thương mại**

*a. Khái niệm và đặc điểm doanh nghiệp*

*b. Khái niệm cho vay doanh nghiệp của ngân hàng thương mại*

Khái niệm cho vay doanh nghiệp của NHTM là việc thỏa thuận giữa NHTM và DN, theo đó NHTM giao cho DN một khoản tiền để sử dụng vào mục đích và thời gian nhất định theo thỏa thuận với nguyên tắc có hoàn trả cả gốc và lãi.

***c. Đặc điểm cho vay doanh nghiệp***

- Quy mô khoản vay của doanh nghiệp thường lớn hơn rất nhiều so với cho vay hộ.

- Mục đích sử dụng vốn vay đa dạng như vay để bổ sung vốn lưu động, nhu cầu thanh toán, hoạt động có tính thời vụ...

- Phương thức cho vay phong phú, đa dạng.

- Nguồn thông tin về khách hàng doanh nghiệp thường đầy đủ hơn các loại hình khách hàng khác.

- Chi phí tổ chức cho vay thấp

- Công tác thẩm định và kiểm soát rủi ro tín dụng tương đối phức tạp

**1.2. RỦI RO TÍN DỤNG TRONG CHO VAY DOANH NGHIỆP CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI**

**1.2.1. Khái niệm rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp**

Rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp được hiểu là tổn thất có khả năng xảy ra đối với nợ vay của DN tại NHTM do DN vay vốn không thực hiện đúng hạn một phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ trả nợ của mình theo cam kết.

**1.2.2. Phân loại rủi ro tín dụng**

***a. Căn cứ vào nguyên nhân phát sinh rủi ro***

***b. Căn cứ vào tính chất của rủi ro tín dụng***

***c. Căn cứ vào tính chất chủ quan và khách quan***

**1.2.3. Nguyên nhân gây ra rủi ro tín dụng trong cho vay DN của ngân hàng thương mại**

***a. Nguyên nhân từ phía DN vay***

- Rủi ro về khả năng tài chính của khách hàng.
- Một số DN nghiệp mới thành lập chưa có đủ kinh nghiệm trong công tác quản lý kinh doanh.
- Thiệt hại từ phía thị trường đầu vào và đầu ra do giá cả tăng giảm biến động phức tạp.
- Một khi kinh doanh thua lỗ, thất bại, khách hàng thường không thiện chí và bất hợp tác trong việc trả nợ vay cho ngân hàng...
- DN nếu cố ý, cố tình lừa đảo sẽ tạo một vỏ bọc bên ngoài rất hoàn hảo nếu ngân hàng không phát hiện thì rủi ro xảy ra là rất lớn.

***b. Nguyên nhân từ phía ngân hàng cho vay***

- Do chính sách của ngân hàng cho vay không phù hợp, thiếu sự kiểm soát chặt chẽ hoặc đặt mục tiêu lợi nhuận quá cao.
- Hệ thống ngân hàng mở ra ngày một nhiều dẫn đến cạnh tranh không lành mạnh, nói lỏng quy trình cho vay...
- Trình độ, năng lực, phẩm chất đạo đức của đội ngũ cán bộ nghiệp vụ còn hạn chế dẫn đến cán bộ cho vay không đánh giá chính xác về khách hàng và phương án vay vốn.

***c. Nguyên nhân khác***

- Môi trường kinh tế xã hội trong nước biến động chịu ảnh hưởng của những biến động không thuận lợi của nền kinh tế thế giới
- Sự thay đổi chính sách của nhà nước do nước ta đang thực hiện chuyển đổi cơ cấu kinh tế sang nền kinh tế thị trường.
- Hoạt động kinh doanh của các NHTM liên quan đến nhiều lĩnh vực của nền kinh tế, mang tính xã hội cao.
- Môi trường tự nhiên có những biến động lớn về thời tiết, khí hậu gây ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh, đặc biệt là sản xuất nông nghiệp.



#### **1.2.4. Hậu quả của rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp gây ra**

- a. Đối với DN vay*
- b. Đối với ngân hàng*
- c. Đối với nền kinh tế*

#### **1.2.5. Quản trị rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp của ngân hàng thương mại**

##### *a. Khái niệm về quản trị rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp*

Quản trị rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp là quá trình ngân hàng vận dụng các phương pháp, công cụ phù hợp nhằm nhận dạng, đo lường, kiểm soát và tài trợ rủi ro tín dụng nhằm đạt được mục tiêu hạn chế tổn thất, thiệt hại do rủi ro tín dụng gây ra trong cho vay doanh nghiệp.

##### *b. Mục tiêu của quản trị rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp*

Mục tiêu kinh doanh ngân hàng là an toàn và hiệu quả, tối đa hóa lợi nhuận từ cho vay doanh nghiệp

##### *c. Nội dung của quản trị rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp*

bao gồm: Nhận dạng rủi ro tín dụng, đo lường rủi ro tín dụng, kiểm soát rủi ro tín dụng, tài trợ rủi ro tín dụng.

### **1.3. KIỂM SOÁT RỦI RO TÍN DỤNG TRONG CHO VAY DOANH NGHIỆP CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI**

#### **1.3.1. Khái niệm và đặc điểm kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp của ngân hàng thương mại**

##### *a. Khái niệm kiểm soát rủi ro tín dụng*

Kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp: là việc sử

dụng các biện pháp, kỹ thuật, công cụ, chiến lược và những quá trình nhằm ngăn ngừa, né tránh, phân tán, giảm thiểu, trung hòa, chuyển giao, nhằm giảm thiểu tần suất xuất hiện và mức độ thiệt hại do rủi ro tín dụng trong cho vay DN gây ra.

***b. Đặc điểm của kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp***

- Do nguồn thông tin của DN thường đầy đủ hơn nên kết quả công tác XHTDNB và thẩm định tín dụng thường chính xác hơn do đó né tránh được những rủi ro.

- Số lượng khách hàng DN thường ít nên NHTM có điều kiện kiểm tra giám sát sau khi cho vay tốt hơn, vì vậy ngăn ngừa RRTD tốt hơn

- Quy mô món vay thường lớn, tài sản bảo đảm đa dạng và có giá trị lớn nên việc xử lý TSBD để thu nợ thường khó khăn hơn.

**1.3.2. Nội dung kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp của ngân hàng thương mại**

***a. Né tránh rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp***

Né tránh, từ bỏ là né tránh những hoạt động, đối tượng, những nguyên nhân làm phát sinh tổn thất có thể xảy ra.

***b. Ngăn ngừa rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp***

Là việc NHTM tìm cách giảm bớt rủi ro tập trung, giảm bớt số lượng, tần suất rủi ro xảy ra

***c. Giảm thiểu rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp***

Đây là biện pháp nhằm giảm mức độ thiệt hại do rủi ro gây ra, những hoạt động giảm thiểu tổn thất là những biện pháp thực hiện trước khi tổn thất xảy ra.

***d. Trung hòa rủi ro tín dụng***

Trung hòa rủi ro tín dụng chủ yếu được thực hiện bằng công cụ phái sinh tín dụng: hoán đổi tín dụng và quyền chọn tín dụng

***e. Chuyển giao rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp***

Là việc chuyển giao cho đối tượng khác chia sẻ hoàn toàn hay một phần tổn thất xảy ra bằng cách sắp xếp để một vài đối tượng phải chịu hoàn toàn hay một phần tổn thất

***f. Thiết lập nguồn tài chính bên trong bằng cách trích lập dự phòng xử lý rủi ro***

Rủi ro tín dụng không thể loại bỏ được hoàn toàn, do đó ngân hàng phải dự trù nguồn tài chính để khi rủi ro xảy ra bù đắp kịp thời những tổn thất

**1.3.3. Các tiêu chí phản ánh kết quả kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp**

***a. Cơ cấu dư nợ cho vay DN theo mức độ rủi ro***

***b. Tỷ lệ nợ xấu trong cho vay DN trên tổng dư nợ cho vay DN***

***c. Tỷ lệ dự phòng rủi ro cụ thể trong cho vay DN trên tổng dư nợ cho vay DN***

***d. Tỷ lệ xóa nợ rỗng trên tổng dư nợ trong cho vay DN***

**1.3.4. Các nhân tố ảnh hưởng đến kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp của ngân hàng thương mại**

***a. Nhóm nhân tố bên trong ngân hàng***

- Quy mô cho vay doanh nghiệp
- Chính sách cho vay của ngân hàng
- Nguồn nhân lực của ngân hàng
- Công nghệ ngân hàng
- Công tác tổ chức quản lý hoạt động cho vay DN của ngân hàng

***b. Nhân tố bên ngoài***

- Nhân tố thuộc về DN vay
- Môi trường kinh tế
- Môi trường pháp lý

- Môi trường tự nhiên
- Chính sách của Nhà nước
- Sự cạnh tranh giữa các ngân hàng

## **KẾT LUẬN CHƯƠNG 1**

Hoạt động kinh doanh của các ngân hàng thương mại Việt Nam trong những năm gần đây gặp nhiều khó khăn do ảnh hưởng của suy thoái kinh tế thế giới và trong nước. Đặc biệt trong công tác tín dụng, tỷ lệ nợ xấu của các ngân hàng thương mại rất cao, đã gây khó khăn cho ngân hàng trong việc quay vòng vốn tái đầu tư để tăng lợi nhuận; đồng thời các ngân hàng phải trích lập dự phòng rủi ro các khoản nợ xấu làm suy giảm năng lực tài chính, làm giảm khả năng cạnh tranh và đầu tư phát triển. Vì vậy, vấn đề cần quan tâm là làm cách nào để kiểm soát tốt được RRTD trong cho vay nói chung và cho vay DN nói riêng. Chương 1 của luận văn đã khái quát các vấn đề cơ bản về công tác kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay DN của NHTM nhằm làm cơ sở lý luận, phục vụ cho mục tiêu nghiên cứu về thực trạng công tác “ Kiểm soát RRTD trong cho vay doanh nghiệp tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Tỉnh Đắk Lắk.” trong chương tiếp theo.

## **CHƯƠNG 2**

### **THỰC TRẠNG KIỂM SOÁT RỦI RO TÍN DỤNG TRONG CHO VAY DOANH NGHIỆP TẠI AGRIBANK ĐẮK LẮK**

#### **2.1. GIỚI THIỆU VỀ CHI NHÁNH AGRIBANK ĐẮK LẮK**

##### **2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển của Agribank Đắk Lắk**

Agribank Đắk Lắk được thành lập từ năm 1992, là thành viên của Agribank, hoạt động chủ yếu phục vụ nông nghiệp và nông thôn.

Do yêu cầu chức năng, nhiệm vụ được giao trong từng thời kỳ nên tên gọi của chi nhánh và bộ máy tổ chức cũng được thay đổi nhiều lần cho phù hợp. Trải qua bao thăng trầm, có thể khẳng định rằng Agribank Đắk Lắk đã trưởng thành vững bước đi lên.

### **2.1.2. Cơ cấu tổ chức quản lý của Agribank Đắk Lắk**

#### **a. Cơ cấu tổ chức của Agribank Đắk Lắk**

Trụ sở chính đặt tại 37 Phan Bội Châu, Tp. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk, gồm 9 phòng chức năng và 51 đơn vị đầu mối là các chi nhánh loại III, phòng giao dịch trực thuộc đặt ở Thành phố Buôn Ma Thuột và các huyện

#### **b. Chức năng, nhiệm vụ của Agribank Đắk Lắk**

#### **c. Nhiệm vụ các phòng ban**

### **2.1.3. Kết quả hoạt động kinh doanh của Agribank Đắk Lắk qua 3 năm 2012-2014**

#### **a. Kết quả huy động vốn**

*Bảng 2.1. Kết quả huy động vốn giai đoạn 2012- 2014*

*Đơn vị: tỷ đồng, %*

Tiền gửi	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014	Tỷ trọng (%)			Tăng trưởng (%)	
				2012	2013	2014	2013/2012	2014/2013
TCKT	809	649	718	15,9	11,5	11,0	-19,8	10,6
D. cư	4.257	4.990	5.806	84,1	88,5	89,0	17,2	16,4
Tổng	5.066	5.639	6.524	100	100	100	11,3	15,7

*Nguồn: Phòng Kế hoạch tổng hợp Agribank Đắk Lắk*

Huy động vốn là một trong hai nghiệp vụ quan trọng của Ngân hàng. Việc huy động vốn giúp ngân hàng đảm bảo quá trình hoạt động kinh doanh một cách liên tục, đảm bảo nguồn vốn cung ứng cho nền kinh tế.

### ***b. Kết quả cho vay***

Agribank Đắk Lắk tập trung đầu tư vốn vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn, tỷ trọng vốn đầu tư vào lĩnh vực này luôn cao, chiếm từ 78% - 83%. Cụ thể năm 2012 vốn đầu tư là 7.017 tỷ đồng, đến năm 2013 là 8.572 tỷ đồng, năm 2014 là 8.435 tỷ đồng tăng 1.418 tỷ đồng so với năm 2012; như vậy trong vòng có 3 năm từ 2012 đến 2014, bình quân mỗi năm đầu tư tăng thêm cho nông nghiệp nông thôn gần 500 tỷ đồng

### ***c. Kết quả kinh doanh***

Mặc dù tình hình kinh tế đất nước và địa phương gặp khó khăn, những bất ổn của nền kinh tế luôn xảy ra, song Agribank Đắk Lắk đã đạt được những thành quả nhất định, tăng trưởng tín dụng đều và phù hợp đã đem lại kết quả kinh doanh khả quan cho đơn vị trong những năm qua.

## **2.2. THỰC TRẠNG KIỂM SOÁT RỦI RO TÍN DỤNG TRONG CHO VAY DOANH NGHIỆP TẠI AGRIBANK ĐẮK LẮK**

### **2.2.1. Bối cảnh kinh doanh cho vay DN của Agribank Đắk Lắk**

#### ***a. Bối cảnh bên ngoài***

Giai đoạn 2012-2014 kinh tế cả nước gặp nhiều khó khăn, hoạt động ngân hàng bị ảnh hưởng, trên phạm vi tỉnh Đắk Lắk cũng bị tác động không nhỏ, khả năng hấp thụ vốn của nền kinh tế yếu, nợ xấu tăng cao và xử lý chậm, thị trường tài chính tiền tệ còn diễn biến phức tạp... Tuy nhiên, tình hình kinh tế của tỉnh Đắk Lắk vẫn có những bước phát triển với tốc độ trên 7%. Cạnh tranh khốc liệt giữa các ngân hàng thương mại trên địa bàn tỉnh gây nhiều khó khăn và thách thức cho Agribank Đắk Lắk.

#### ***b. Bối cảnh bên trong***

Trình độ không đồng đều, việc sắp xếp, bố trí cán bộ đòi hỏi cần

phải xem xét đến yếu tố vùng, miền và mục tiêu, định hướng kinh doanh.

Hiện nay, đội ngũ cán bộ tại chi nhánh đang được chuẩn hóa để đáp ứng với nhu cầu công việc.

### **2.2.2. Tình hình cho vay doanh nghiệp tại Agribank Đắk Lắk**

#### ***a. Tình hình cho vay DN tại Agribank Đắk Lắk***

Tỷ trọng cho vay DN giảm dần năm 2012 chiếm gần 40%, tuy nhiên năm 2013 giảm mạnh gần 10% và năm 2014 đạt còn 27%, cho vay ngắn hạn chiếm tỷ trọng lớn, điều này phù hợp với cơ cấu nguồn vốn ngắn hạn tại chi nhánh và dễ dàng kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay DN.

Loại hình doanh nghiệp chủ yếu là DNNNQD, chủ yếu đầu tư cho ngành sản xuất cà phê ở Đắk Lắk, công nghiệp thủy điện và một số ngành phục vụ nông nghiệp và thương mại dịch vụ, do chính sách ưu tiên phát triển DN vừa và nhỏ trên địa bàn nên thu hút khá nhiều DN có nhu cầu vay vốn đến NH. Tuy nhiên do tình hình kinh tế khó khăn, nên một bộ phận không nhỏ DN đã phá sản, ngừng hoạt động nên dư nợ cho vay DN giảm thấp.

*Bảng 2.4. Tình hình dư nợ cho vay DN tại Agribank Đắk Lắk qua 3 năm 2012-2014*

*Đơn vị: tỷ đồng*

Chỉ tiêu	Năm 2012		Năm 2013		Năm 2014	
	Số tiền	TT(%)	Số tiền	TT(%)	Số tiền	TT(%)
Tổng DN cho vay	8.997	100	10.583	100	10.162	100
<b><i>DNợ cho vay DN</i></b>	<b>3.544</b>	<b>39,4</b>	<b>3.200</b>	<b>29,5</b>	<b>3.049</b>	<b>27</b>
+ Nợ ngắn hạn	1.875	52,9	2.481	77,5	2.240	73,5
+ Nợ Trung dài hạn	1.669	47,1	719	22,5	808	26,5

*Nguồn: Phòng Kế hoạch tổng hợp Agribank Đắk Lắk*

***b. Mục tiêu của kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay DN tại Agribank Đắk Lắk***

Mục tiêu là tăng trưởng phát triển cho vay DN theo chính sách khuyến khích đầu tư DN vừa và nhỏ trên địa bàn đảm bảo an toàn và hiệu quả đạt tăng trưởng 8%, trong giai đoạn 2012-2014 xác định mục tiêu kiểm soát tốt RRTD đảm bảo tỷ lệ nợ xấu đạt dưới 3%.

**2.2.3. Các biện pháp kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp tại Agribank Đắk Lắk**

***a. Biện pháp né tránh rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp tại Agribank Đắk Lắk***

Chủ động từ chối cho vay đối với những khách hàng không đủ tiêu chuẩn và điều kiện cấp tín dụng

Thực hiện cấp tín dụng đối với các khách hàng được xếp hạng từ loại BB trở lên, có sự phân biệt trong điều kiện cấp tín dụng.

***b. Biện pháp ngăn ngừa RRTD trong cho vay DN tại Agribank Đắk Lắk***

Giám đốc Agribank Đắk Lắk ủy quyền mức phán quyết cấp tín dụng cho các chi nhánh loại III và phòng giao dịch trực thuộc theo quy định nơi nào có nợ xấu thấp thì mức ủy quyền phán quyết cấp tín dụng cao và ngược lại.

***c. Biện pháp giảm thiểu RRTD trong cho vay DN tại Agribank Đắk Lắk***

Thực hiện giảm thiểu rủi ro trong cho vay DN bằng cách thực hiện đa dạng hóa danh mục cấp tín dụng đưa ra nhiều sản phẩm tín dụng hấp dẫn, linh hoạt phù hợp với từng lĩnh vực kinh doanh, loại hình doanh nghiệp; phương thức cho vay của ngân hàng hiện nay đáp ứng nhu cầu đa dạng của các khách hàng DN trên địa bàn.



***d. Biện pháp chuyển giao RRTD trong cho vay DN tại Agribank Đắk Lắk***

Chuyển giao cho Công ty bảo hiểm: Khi ký kết hợp đồng tín dụng, Agribank Đắk Lắk yêu cầu DN mua bảo hiểm cho khoản vay, và cho tài sản đảm bảo khoản vay chủ yếu là động sản để chia xẽ tổn thất khi rủi ro xảy ra; mua bảo an tín dụng, hoặc bán nợ.

***e. Thiết lập nguồn tài chính bên trong để bù đắp thiệt hại do RRTD***

Công tác phân loại nợ tại chi nhánh được thực hiện tự động trên chương trình và tuân theo Quyết định số 493/2005/QĐ-NHNN. Thực hiện trích lập nguồn tài chính bên trong để bù đắp tổn thất rủi ro xảy ra.

**2.2.4. Kết quả kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp tại Agribank Đắk Lắk trong ba năm 2012-2014**

Công tác kiểm soát rủi ro đã đạt được một số kết quả như sau:

➤ Cơ cấu dư nợ cho vay theo mức độ rủi ro: theo (bảng 2.7) cho thấy dư nợ cho vay DN từ nhóm 2, nhóm 3 nhóm 5 có chiều hướng tăng dần từ 2012 đến năm 2014, dư nợ cho vay DN không tăng, có chiều hướng giảm nhưng nợ xấu tăng cao, do kinh tế khó khăn DN không có nhu cầu đầu tư và phần lớn DN bị phá sản.

➤ Tỷ lệ nợ xấu cho vay DN trên tổng dư nợ tỷ lệ nợ xấu cho vay DN tăng nhanh và tăng mạnh năm 2014 lên > 3%,

➤ Nợ xấu cho vay DN phát sinh trong kỳ: nợ xấu phát sinh gia tăng qua các năm từ 10 tỷ năm 2012 đến năm 2014 tăng lên 30 tỷ, tuy nhiên tỷ lệ thu nợ xấu cũng tăng dần.

➤ Tỷ lệ xóa nợ rỗng trong cho vay DN giảm xuống dần qua các năm 2014 gần 10% cho thấy ngân hàng đang tích cực trong công tác xử lý nợ xấu trong giai đoạn vừa qua.

## **2.3. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ THỰC TRẠNG KIỂM SOÁT RỦI RO TÍN DỤNG TRONG CHO VAY DOANH NGHIỆP TẠI AGRIBANK ĐẮK LẮK**

### **2.3.1. Những thành công**

- Tỷ lệ thu nợ xấu tăng dần khả quan, vì các khoản nợ này chủ yếu có TSBD chi nhánh đã và đang có những biện pháp thu hồi nợ tích cực.

- Tỷ lệ xóa nợ rỗng trong cho vay DN giảm xuống qua các năm.

- Trích lập dự phòng rủi ro hằng năm giảm dần.

Nhìn chung, chi nhánh đã áp dụng linh hoạt các biện pháp kiểm soát rủi ro tín dụng

- Chi nhánh đã thực hiện tốt các chỉ tiêu sàng lọc khách hàng vay vốn thông qua công tác xếp hạng tín dụng nội bộ.

- Tổ chức bộ phận tín dụng của chi nhánh khá chặt chẽ, đang từng bước tuân theo nguyên tắc quản trị rủi ro.

- Tại chi nhánh luôn hoạch định chính sách tín dụng tương đối cụ thể, rõ ràng trong mỗi thời kỳ, áp dụng lãi suất linh hoạt có tính đến phân bù rủi ro, tài sản bảo đảm nhằm giảm thiểu RRTD.

- Chi nhánh luôn thực hiện tốt đa dạng hóa sản phẩm tín dụng để hạn chế, phân tán rủi ro tín dụng một cách tốt nhất.

### **2.3.2. Những tồn tại**

- Nợ xấu vẫn tăng cao, đặc biệt nợ nhóm 5 chiếm tỷ trọng lớn.

- Nợ xấu mới phát sinh trong kỳ vẫn chiếm tỷ trọng cao trong tổng nợ xấu.

- Chưa có bộ phận quản lý và theo dõi chuyên trách.

- Mức mua bảo hiểm thực tế còn thấp so với khoản vay, thủ tục nhận bảo hiểm khi xảy ra rủi ro còn khó khăn.

- Chi nhánh chưa đưa ra các giới hạn an toàn, HMTD đối với các lĩnh vực, ngành nghề kinh doanh có mức độ RRTD cao.

- Nguồn nhập số liệu của báo cáo tài chính chưa đáng tin cậy.

### **2.3.3. Nguyên nhân tồn tại của công tác kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay DN**

- Hệ thống xếp hạng nội bộ còn thiếu chính xác, không phản ánh đúng tình hình KH dẫn đến công tác phân loại nợ và trích lập dự phòng sai, ảnh hưởng đến kết quả tài chính.

- Chưa có bộ phận quản lý rủi ro riêng biệt, bộ phận cho vay DN chuyên trách riêng, do đó nhân viên tín dụng phải đảm nhận nhiều công việc dẫn đến quá tải.

- Trình độ CB làm công tác tín dụng còn yếu không nhận biết được những khoản nợ có vấn đề để đề ra phương pháp xử lý kịp thời; một số cán bộ đạo đức nghề nghiệp bị tha hóa biến chất dẫn đến tham ô, trục lợi khi cấp tín dụng.

- Áp lực tăng trưởng tín dụng, nên hạ chuẩn cho vay và nói lỏng công tác thẩm định trước khi cho vay.

- Không quan tâm đến kết quả kinh doanh của DN, trong khi thị trường bất động sản tại Việt Nam chưa phát triển mạnh.

- Năng lực kiểm soát rủi ro chưa cao, phần lớn nhân sự tại bộ phận này đều có ít kinh nghiệm thực tế, không có hoặc có rất ít thời gian trải qua công tác quan hệ khách hàng.

- Công tác giám sát nợ vay chưa được quan tâm đúng mức.

- Có nhiều yếu tố biến động phức tạp, tình trạng lạm phát cao, giá cả leo thang, tỷ giá tăng mạnh,... làm cho nền kinh tế phát triển chậm, tiêu dùng giảm, các DN gặp nhiều khó khăn dẫn đến khả năng trả nợ ngân hàng trở nên khó khăn hơn.

- Môi trường tự nhiên biến động phức tạp khó lường ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp.

- Môi trường cung cấp thông tin chưa tin cậy.

- Môi trường pháp lý chưa thuận lợi
- Năng lực quản lý DN, năng lực tài chính của một số DN chưa thực sự đủ mạnh để đương đầu với những khó khăn gặp phải trong kinh doanh.

## **KẾT LUẬN CHƯƠNG 2**

Thông qua việc nghiên cứu những lý cơ bản về hoạt động tín dụng và kiểm soát rủi ro tín dụng ở chương một, chương hai luận văn đã trình bày và phân tích thực trạng công tác kiểm soát rủi ro tín trong cho vay DN tại Agribank Đắk Lắk trong giai đoạn từ năm 2012 – 2014 và đánh giá các kết quả đạt được, những hạn chế và nguyên nhân. Trọng tâm của chương hai của luận văn đã chỉ khá rõ thực trạng công tác kiểm soát RRTD trong cho vay DN tại Agribank Đắk Lắk, định hướng và mục tiêu phát triển của chi nhánh. Với nội dung chính là các hoạt động kiểm soát RRTD trong cho vay DN tại Agribank Đắk Lắk giai đoạn năm 2012-2014, luận văn đã đi sâu đánh giá hoạt động này và chỉ ra những hạn chế còn tồn tại trong công tác kiểm soát RRTD trong cho vay DN, từ đó làm cơ sở đề xuất những giải pháp khắc phục trong chương ba góp phần nâng cao hiệu quả công tác kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay DN tại Agribank Đắk Lắk.

## **CHƯƠNG 3**

### **GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN KIỂM SOÁT RỦI RO TÍN DỤNG TRONG CHO VAY DOANH NGHIỆP TẠI AGRIBANK ĐẮK LẮK**

#### **3.1. ĐỊNH HƯỚNG KIỂM SOÁT RỦI RO TÍN DỤNG TRONG CHO VAY DOANH NGHIỆP CỦA AGRIBANK ĐẮK LẮK**

##### **3.1.1. Định hướng kinh doanh chung của Agribank Đắk Lắk**

\* Định hướng: Tiếp tục chuyên đổi cơ cấu nguồn vốn, tăng tỷ

trọng vốn ổn định, vốn trung dài hạn và ngoại tệ. Đẩy mạnh các hình thức huy động vốn phù hợp với tình hình thực tế thị trường. Phát triển nguồn tiền gửi trong dân cư và các tổ chức kinh tế. Tiết giảm tối đa các chi phí vốn để đảm bảo hiệu quả kinh doanh và an toàn thanh khoản.

### **3.1.2. Định hướng hoàn thiện hoạt động kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp tại Agribank Đắk Lắk**

- Tiếp tục giữ vững, phát huy vai trò ngân hàng thương mại hàng đầu, duy trì tăng trưởng tín dụng DN ở mức hợp lý trên cơ sở an toàn vốn và hiệu quả. Ưu tiên đầu tư cho “tam nông”.

- Tiếp tục đổi mới, làm tốt công tác tổ chức sắp xếp lại đội ngũ cán bộ.

- Tăng cường duy trì cho vay có TSBĐ, giảm dần tỷ trọng cho vay không có TSBĐ

- Tích cực thu hồi nợ lãi ngoại bảng, nợ xử lý rủi ro, thường xuyên theo dõi tình hình hoạt động kinh doanh của DN.

- Xây dựng và thực hiện tốt chính sách khách hàng DN.

- Tiếp tục tập trung nhân sự cho bộ phận KTKSNB để phân tích nợ, nhằm phát hiện những khoản nợ có vấn đề ngăn ngừa nợ xấu.

- Đầu tư và đào tạo lại đội ngũ CBTD có trình độ chuyên môn, năng lực, đạo đức nghề nghiệp, để đáp ứng nhu cầu công việc.

- Chuyển đổi sắp xếp lại cán bộ làm công tác tín dụng cho phù hợp đáp ứng tình hình cạnh tranh hiện nay.

- Tăng trưởng tín dụng phải đảm bảo an toàn và hiệu quả

- Dự nợ cho vay DN: tăng 10-15%/năm

- Khách hàng DN: tăng từ 15-20%/năm

- Tỷ lệ nợ xấu: kiểm soát dưới 3%/tổng dư nợ

## **3.2. GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN KIỂM SOÁT RỦI RO TÍN DỤNG TRONG CHO VAY DOANH NGHIỆP TẠI AGRIBANK ĐẮK LẮK**

### **3.2.1. Tiếp tục hoàn thiện công tác xếp hạng tín dụng nội bộ KHDN**

Để hoàn thiện hệ thống xếp hạng tại các NHTM, cần phải rà soát và ban hành các văn bản quy định và hướng dẫn các tiêu chuẩn sử dụng trong XHTD. Các tiêu chí đánh giá phải phù hợp với thông lệ quốc tế nhưng không xa rời các điều kiện thực tế ở Việt Nam, đồng thời phải đảm bảo tính linh hoạt, có thể điều chỉnh phù hợp với điều kiện kinh doanh trong tương lai, đặc biệt các yếu tố định tính những yếu tố này rất khó xác định. Kết quả XHTD phản ánh những dự báo về nguy cơ vỡ nợ dẫn đến mất khả năng thực hiện nghĩa vụ tài chính cho ngân hàng.

### **3.2.2. Thực hiện tốt công tác thẩm định khách hàng và thẩm định tài sản đảm bảo tiền vay**

Thực hiện đúng quy trình cho vay, thường xuyên cập nhật thông tin về khách hàng; thực hiện việc định kỳ hạn nợ chính xác, phù hợp với chu kỳ sản xuất của khách hàng; thực hiện việc đánh giá, phân loại nợ để định hướng mức độ rủi ro và phải được thực hiện ngay khi xem xét cho vay; thực hiện việc tốt công tác chấm điểm, xếp loại khách hàng; thực hiện kiểm tra giám sát sau khi cho vay.

Hoạt động thẩm định khách hàng cho phép chi nhánh có thể đánh giá mức độ rủi ro của khách hàng, từ đó quyết định cho vay hay không cho vay khách hàng, hạn mức tín dụng là bao nhiêu... Muốn làm tốt công tác này, chi nhánh bắt buộc phải hoàn thiện các công tác sau:

- Nâng cao chất lượng công tác thẩm định TSBĐ
- Nâng cao chất lượng thẩm định và phân tích tín dụng

### **3.2.3. Thực hiện tốt biện pháp giảm thiểu rủi ro bằng cách vận dụng kết hợp các hình thức bảo đảm tín dụng**

➤ Phương án kinh doanh khả thi, hiệu quả là một trong những tiêu chí quyết định cho vay.

➤ Để việc thu hồi nợ xấu được kịp thời, đạt được hiệu quả cao thì khâu cảnh báo, phát hiện sớm nợ xấu phát sinh là rất quan trọng, quyết định trực tiếp đến quá trình xử lý nợ sau này.

➤ Vấn đề thu hồi nợ xấu, nợ nhóm 2 luôn luôn là một trong những công việc khó khăn nhất của công tác tín dụng.

### **3.2.4. Tăng cường công tác kiểm tra kiểm soát nội bộ đối với hoạt động cho vay doanh nghiệp**

- Thường xuyên thực hiện kiểm tra, giám sát việc chấp hành quy trình, thủ tục cho vay, kịp thời phát hiện các sai phạm, “lỗ hổng” trong hoạt động tín dụng để đề ra các giải pháp chấn chỉnh phù hợp.

- Cần xây dựng một hệ thống kiểm soát nội bộ đủ mạnh, theo đó cần tạo môi trường kiểm soát tốt trong nội bộ ngân hàng.

- Việc kiểm tra và giám sát tín dụng độc lập cần được thực hiện một cách khách quan theo phương pháp chọn mẫu.

### **3.2.5. Tạo lập môi trường làm việc thuận lợi, nâng cao trình độ cán bộ về nghiệp vụ và giáo dục đạo đức nghề nghiệp**

Ngân hàng có chế độ đãi ngộ thỏa đáng thông qua việc đánh giá chính xác giá trị khác biệt của cán bộ ngân hàng và kết quả phấn đấu để từ đó giúp họ có động lực để phát huy hết tiềm năng của mình.

Ngân hàng phải tạo môi trường làm việc chuyên nghiệp, lành mạnh nhằm nâng cao và giữ gìn phẩm chất đạo đức của cán bộ.

### **3.2.6. Tăng cường các mối quan hệ giữa hiệp hội, ban ngành**

Cần duy trì mối quan hệ hợp tác, tranh thủ sự giúp đỡ của các cơ quan công an, Ủy ban nhân dân tại địa phương là nơi quản lý các vấn đề về nhân thân, hộ khẩu,... của người vay, DN.

Cần xây dựng mối quan hệ, liên kết với các hiệp hội DN, các hiệp hội làng nghề, hiệp hội DN trẻ... để nắm bắt các thông tin về DN như tình hình SXKD, nhu cầu về vốn, dịch vụ, chuyển tải thông tin về

hoạt động của Agribank tới DN cũng như tạo nên cầu nối qua lại thường xuyên thâm nhập lẫn nhau giữa ngân hàng và DN.

Kết hợp với các cơ quan chính quyền, hiệp hội, cơ quan quản lý nhà nước, cơ quan quản lý.

### **3.2.7. Các giải pháp khác**

#### ***a. Nhân sự***

- Phải quy định tiêu chuẩn về việc bố trí cán bộ làm công tác tín dụng, yêu cầu cụ thể về trình độ chuyên môn, ngoại ngữ, tin học đáp ứng các yêu cầu về công việc trong thời đại mới.

- Có phẩm chất đạo đức tốt.

- Cần bố trí cán bộ một cách đồng đều hơn, hạn chế giao việc xử lý nợ của các khách hàng có doanh số hoạt động lớn, độ phức tạp cao cho những cán bộ mới, chưa có nhiều kinh nghiệm.

- Cần bổ sung đầy đủ cán bộ để tương xứng với quy mô và mạng lưới hoạt động.

#### ***b. Thông tin***

CBTD không thể chỉ dựa vào nguồn thông tin mà cần phải nắm bắt, xử lý thông tin về mọi vấn đề có liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của khách hàng từ nhiều nguồn khác nhau.

Mặt khác bản thân ngân hàng cũng cần nêu cao tinh thần minh bạch, công khai hóa thông tin nhằm làm cơ sở cho việc nâng cao chất lượng kiểm soát rủi ro.

Chi nhánh cần tổ chức lưu trữ, thu thập các thông tin về DN, thị trường, công nghệ, xây dựng hệ thống cung cấp thông tin để XHTD.

## **3.3. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ**

### **3.3.1. Kiến nghị với Agribank Việt Nam**

- Agribank Việt Nam cần có biện pháp kịp thời nắm tình hình, phản ánh những vướng mắc trong quá trình thực thi Luật ngân hàng và các luật liên quan,



- Nên theo dõi tình hình hoạt động quản trị rủi ro tín dụng cụ thể từng chi nhánh để kịp thời nắm bắt tình hình, những khó khăn, vướng mắc trong hoạt động quản trị rủi ro tín dụng

- Cần thực hiện chức năng thông tin, tuyên truyền, quảng bá chủ trương chính sách, pháp luật của Nhà nước về lĩnh vực ngân hàng và vấn đề kiểm soát rủi ro tín dụng trong ngân hàng

- Cần tách biệt chức năng của CBTD, thẩm định và quản lý RRTD, tăng thêm bộ phận quan hệ khách hàng trong hoạt động cho vay. Đồng thời, cần phân định rõ chức năng, nhiệm vụ và trách nhiệm của các bộ phận đó

### **3.3.2. Kiến nghị với Ngân hàng Nhà nước**

- Hoàn thiện quy chế cho vay, đảm bảo tiền vay trên cơ sở bảo đảm an toàn cho hoạt động tín dụng, bảo vệ quyền lợi hợp pháp của các NHTM

- Thực tế hiện nay thông tin do trung tâm thông tin tín dụng của NHNN (CIC) cung cấp thời gian qua vẫn còn khá sơ sài so với nhu cầu thông tin.

- Hạn chế những rủi ro xuất phát từ việc bắt đối xứng thông tin từ TSB Đ, NHNN có thể xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu chung trong cả nước tương tự như trung tâm CIC về giao dịch bảo đảm

- Có chế tài xử lý đối với các TCTD cạnh tranh không lành mạnh: cùng với các cơ chế thoáng, cho phép các NHTM mở rộng tính tự chủ và tự chịu trách nhiệm với các hoạt động kinh doanh như hiện nay, các NHTM đã có rất nhiều chính sách sáng tạo nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của mình

### **3.3.3. Kiến nghị với Chính phủ**

- Chính phủ cần hoàn thiện cơ chế pháp lý trong việc xử lý tài sản đảm bảo

- Xây dựng hệ thống thông tin quốc gia công khai

- Sự thay đổi các chính sách của Nhà nước cần được công bố rõ ràng và có thời gian cần thiết để chuyển đổi

## KẾT LUẬN

Thực tế kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay DN tại chi nhánh còn nhiều hạn chế, chưa đáp ứng yêu cầu của kiểm soát rủi ro tín dụng. Vì vậy, cần thiết phải tăng cường kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay DN để thúc đẩy hoạt động tín dụng phát triển an toàn, hiệu quả, trong giới hạn rủi ro của ngân hàng.

Trên cơ sở vận dụng các phương pháp nghiên cứu, bám sát mục tiêu, phạm vi nghiên cứu, luận văn đã hoàn thành các nhiệm vụ:

Phân tích cơ sở lý luận về rủi ro tín dụng và kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp của NHTM.

Phân tích thực trạng kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp tại Agribank Đắk Lắk trong hoàn cảnh kinh tế cụ thể tại địa phương nói riêng và cả nước nói chung, trong bối cảnh cạnh tranh của các ngân hàng thương mại ngày càng gay gắt, khách hàng ngày càng có hiểu biết về lĩnh vực tài chính ngân hàng và yêu cầu ngân hàng cao hơn. Qua đó, đánh giá những thành công và những mặt hạn chế và nguyên nhân của những hạn chế để khắc phục, hoàn thiện.

Những kết quả nghiên cứu của luận văn hy vọng sẽ góp một phần nhỏ trong việc nâng cao hiệu quả công tác kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay DN tại chi nhánh, tạo môi trường tín dụng an toàn và hiệu quả để chi nhánh đạt được mục tiêu kinh doanh cao nhất, đủ sức cạnh tranh với các NHTM.